

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo quyết định số 455/QĐ-ĐHNLBG-HĐT ngày 27/7/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông-Lâm Bắc Giang)

NGÀY THI: 18/7/2020

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
1	CNTT01	Đỗ Thị An	26/01/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,2	7,5	DBG003217	CNTT/20/3250	Đạt	
2	CNTT02	Hoàng Thị Vân Anh	14/11/1973	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,5	8,5	DBG003218	CNTT/20/3251	Đạt	
3	CNTT03	Nguyễn Quốc Anh	24/12/1991	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	6,5	DBG003219	CNTT/20/3252	Đạt	
4	CNTT04	Phan Thị Hải Anh	05/03/1999	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,5	7,5	DBG003220	CNTT/20/3253	Đạt	
5	CNTT05	Trần Thị Ngọc Anh	09/02/1997	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8,0	6,5	DBG003221	CNTT/20/3254	Đạt	
6	CNTT06	Phạm Thị Chiến	19/06/1976	Hà Nội	Nữ	Kinh	7,0	7,0	DBG003222	CNTT/20/3255	Đạt	
7	CNTT07	Vũ Xuân	03/10/1984	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,0	6,5	DBG003223	CNTT/20/3256	Đạt	
8	CNTT08	Lê Thị Chính	07/05/1986	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,0	6,5	DBG003224	CNTT/20/3257	Đạt	
9	CNTT10	Dương Ngọc Duyệt	20/01/1980	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8,5	8,0	DBG003225	CNTT/20/3258	Đạt	
10	CNTT11	Nguyễn Thị Đào	03/09/1980	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,5	7,5	DBG003226	CNTT/20/3259	Đạt	
11	CNTT13	Nguyễn Thị Hiền	03/11/1984	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,5	7,0	DBG003227	CNTT/20/3260	Đạt	
12	CNTT15	Nguyễn Thị Hồng Hương	05/10/1981	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,2	6,5	DBG003228	CNTT/20/3261	Đạt	
13	CNTT16	Trần Thị Lan	10/09/1987	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,5	7,5	DBG003229	CNTT/20/3262	Đạt	
14	CNTT17	Nguyễn Doãn Long	10/10/1980	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,2	7,5	DBG003230	CNTT/20/3263	Đạt	
15	CNTT18	Nguyễn Thị Mai	22/06/1992	Hà Nội	Nữ	Kinh	7,2	7,0	DBG003231	CNTT/20/3264	Đạt	
16	CNTT19	Ngô Thị Minh	30/12/1984	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,7	6,5	DBG003232	CNTT/20/3265	Đạt	
17	CNTT20	Nguyễn Thị Minh	04/09/1988	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8,0	7,0	DBG003233	CNTT/20/3266	Đạt	
18	CNTT23	Đoàn Thị Nhung	11/09/1989	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,5	6,0	DBG003234	CNTT/20/3267	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
19	CNTT24	Nguyễn Thị Nhung	10/03/1992	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,0	6,5	DBG003235	CNTT/20/3268	Đạt	
20	CNTT25	Nguyễn Thị Kim Oanh	15/12/1980	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,2	6,0	DBG003236	CNTT/20/3269	Đạt	
21	CNTT26	Nguyễn Thế Phúc	22/01/1990	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8,0	7,0	DBG003237	CNTT/20/3270	Đạt	
22	CNTT27	Ngô Thế Sơn	22/04/1987	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,7	7,5	DBG003238	CNTT/20/3271	Đạt	
23	CNTT28	Nguyễn Công Sơn	25/07/1979	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,2	7,5	DBG003239	CNTT/20/3272	Đạt	
24	CNTT29	Nguyễn Công Thành	09/09/1985	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,7	6,0	DBG003240	CNTT/20/3273	Đạt	
25	CNTT30	Nguyễn Như Thành	01/06/1991	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8,0	7,5	DBG003241	CNTT/20/3274	Đạt	
26	CNTT31	Ngô Văn Thao	20/11/1971	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,5	6,0	DBG003242	CNTT/20/3275	Đạt	
27	CNTT32	Phạm Văn Thắng	27/11/1974	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8,0	7,0	DBG003243	CNTT/20/3276	Đạt	
28	CNTT34	Nguyễn Ngọc Thịnh	30/06/1976	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8,2	8,5	DBG003244	CNTT/20/3277	Đạt	
29	CNTT36	Nguyễn Thị Thu	02/06/1979	Hải Dương	Nữ	Kinh	7,0	7,5	DBG003245	CNTT/20/3278	Đạt	
30	CNTT40	Vũ Xuân Toàn	18/09/1971	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,2	6,5	DBG003246	CNTT/20/3279	Đạt	
31	CNTT41	Vũ Phạm Điệp Trà	02/05/1978	Tuyên Quang	Nam	Kinh	8,5	8,5	DBG003247	CNTT/20/3280	Đạt	
32	CNTT42	Nguyễn Thị Huyền Trang	01/11/1990	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8,5	6,5	DBG003248	CNTT/20/3281	Đạt	
33	CNTT43	Nguyễn Đăng Trọng	05/10/1975	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,5	6,5	DBG003249	CNTT/20/3282	Đạt	
34	CNTT44	Trần Thanh Tuấn	19/12/1984	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,7	6,0	DBG003250	CNTT/20/3283	Đạt	
35	CNTT46	Nguyễn Công Bằng	13/05/1964	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,0	DBG003251	CNTT/20/3284	Đạt	
36	CNTT48	Lương Văn Bình	07/09/1978	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,0	DBG003252	CNTT/20/3285	Đạt	
37	CNTT49	Nguyễn Thị Bình	30/05/1977	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	6,0	DBG003253	CNTT/20/3286	Đạt	
38	CNTT51	Trần Hữu Chiến	12/06/1987	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,5	DBG003254	CNTT/20/3287	Đạt	
39	CNTT52	Ngô Thị Chính	08/12/1975	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,0	DBG003255	CNTT/20/3288	Đạt	
40	CNTT53	Cao Văn Chung	16/01/1981	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,2	6,5	DBG003256	CNTT/20/3289	Đạt	
41	CNTT55	Dương Thị Dinh	10/04/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,5	DBG003257	CNTT/20/3290	Đạt	
42	CNTT56	Đỗ Kim Dung	28/03/1975	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	DBG003258	CNTT/20/3291	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
43	CNTT57	Phạm Trọng Dương	08/07/1993	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	7,2	8,5	DBG003259	CNTT/20/3292	Đạt	
44	CNTT58	Nguyễn Thị Đính	10/05/1975	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,5	6,5	DBG003260	CNTT/20/3293	Đạt	
45	CNTT59	Nguyễn Thị Vân Hà	24/06/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	8,5	DBG003261	CNTT/20/3294	Đạt	
46	CNTT60	Phùng Thị Thu Hà	23/01/1995	Bắc Giang	Nữ	Nùng	7,2	6,0	DBG003262	CNTT/20/3295	Đạt	
47	CNTT61	Đinh Việt Hải	01/08/1991	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	6,5	DBG003263	CNTT/20/3296	Đạt	
48	CNTT62	Lưu Thị Huệ	05/12/1981	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	DBG003264	CNTT/20/3297	Đạt	
49	CNTT63	Trần Thị Huyền	07/08/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	DBG003265	CNTT/20/3298	Đạt	
50	CNTT64	Đỗ Thị Thanh Huyền	11/03/1983	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,2	6,5	DBG003266	CNTT/20/3299	Đạt	
51	CNTT65	Trần Thị Hưng	02/07/1977	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,0	DBG003267	CNTT/20/3300	Đạt	
52	CNTT66	Nguyễn Thị Hương	01/08/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,0	DBG003269	CNTT/20/3301	Đạt	
53	CNTT67	Nguyễn Thị Hường	12/10/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	6,0	DBG003271	CNTT/20/3302	Đạt	
54	CNTT69	Bùi Thị Lan	28/12/1994	Hòa Bình	Nữ	Mường	7,0	7,0	DBG003273	CNTT/20/3303	Đạt	
55	CNTT70	Nguyễn Đức Mạnh	06/08/1982	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,5	8,5	DBG003275	CNTT/20/3304	Đạt	
56	CNTT71	Nguyễn Thị Mến	13/10/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,0	DBG003276	CNTT/20/3305	Đạt	
57	CNTT72	Nguyễn Thị Nền	21/10/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	DBG003277	CNTT/20/3306	Đạt	
58	CNTT73	Dương Thị Ngọc	24/04/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	DBG003278	CNTT/20/3307	Đạt	
59	CNTT74	Đặng Thị Nhung	19/09/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	6,0	DBG003279	CNTT/20/3308	Đạt	
60	CNTT75	Ngô Thị Non	22/10/1976	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,5	DBG003280	CNTT/20/3309	Đạt	
61	CNTT76	Nguyễn Thị Oanh	03/01/1980	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	DBG003281	CNTT/20/3310	Đạt	
62	CNTT77	Nguyễn Như Quỳnh	14/10/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	7,5	DBG003282	CNTT/20/3311	Đạt	
63	CNTT78	Hoàng Văn Tân	23/03/1991	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,2	6,5	DBG003283	CNTT/20/3312	Đạt	
64	CNTT79	Nguyễn Văn Thái	10/03/1984	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,0	DBG003284	CNTT/20/3313	Đạt	
65	CNTT80	Nguyễn Văn Thắng	14/07/1987	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	8,5	DBG003285	CNTT/20/3314	Đạt	
66	CNTT81	Vũ Mạnh Thế	06/07/1972	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	6,5	DBG003286	CNTT/20/3315	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
67	CNTT82	Đào Thị Xuân Thu	14/08/1975	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	DBG003287	CNTT/20/3316	Đạt	
68	CNTT83	Ngô Hoài Thu	28/11/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	DBG003288	CNTT/20/3317	Đạt	
69	CNTT84	Ngô Thị Thanh Thủy	14/07/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	6,5	DBG003289	CNTT/20/3318	Đạt	
70	CNTT85	Đỗ Văn Tịnh	01/09/1983	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,5	DBG003290	CNTT/20/3319	Đạt	
71	CNTT86	Nguyễn Văn Trung	20/05/1978	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	6,5	DBG003274	CNTT/20/3320	Đạt	
72	CNTT88	Vi Thị Vân	29/01/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	DBG003272	CNTT/20/3321	Đạt	
73	CNTT89	Vũ Văn Việt	20/05/1987	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,0	DBG003270	CNTT/20/3322	Đạt	
74	CNTT90	Nguyễn Viết Xuân	20/06/1983	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	6,0	DBG003268	CNTT/20/3323	Đạt	

Tổng số thí sinh theo danh sách:

74

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

(Đã ký)

ThS. Đỗ Thị Huyền

Bắc Giang, ngày 27 tháng 7 năm 2020
THƯ KÝ HỘI ĐỒNG THI

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Quang